

Hải Phòng, ngày 19 tháng 8 năm 2014

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1800/QĐ-UBND
ngày 19 /8/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

Chương I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ.

Trong Điều lệ này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11, ngày 29/11/2005.
2. *Vốn Điều lệ* là số vốn của Chủ sở hữu đầu tư và được ghi tại Điều lệ Công ty.
3. *Vốn góp chi phối* là vốn góp của Công ty chiếm trên 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp khác.
4. *Công ty* trong Điều lệ này được hiểu là Công ty TNHH một thành viên Thương mại đầu tư phát triển đô thị.
5. *Đơn vị trực thuộc* là các đơn vị phụ thuộc Công ty, có thể tự chủ về tài chính, hạch toán theo phân cấp của Công ty.
6. Người quản lý Công ty là Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên Công ty.
7. *Người đại diện theo uỷ quyền* là cá nhân được Chủ tịch Công ty uỷ quyền bằng văn bản để thực hiện các quyền của Chủ tịch Công ty tại Công ty.
8. *Các từ ngữ khác* trong Điều lệ này đã được giải nghĩa trong bộ Luật Dân sự, Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác thì có nghĩa tương tự như trong các văn bản pháp luật đó.

Điều 2. Tên gọi của Công ty.

Công ty TNHH một thành viên Thương mại đầu tư phát triển đô thị được thành lập theo quyết định số 997/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng “về việc chuyển Công ty Thương mại đầu tư phát triển đô thị thành Công ty TNHH một thành viên Thương mại đầu tư phát triển đô thị”.

1. Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ.

2. Tên công ty viết bằng tiếng Anh: INVESTMENT TRADE FOR URBAN DEVELOPMENT ONE MEMBER LIMITED COMPANY.

- Tên viết tắt bằng tiếng Việt: CÔNG TY THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ.

- Tên viết tắt bằng tiếng Anh: ITCUD.

3. Trụ sở chính:

- Địa chỉ trụ sở: số 52 Điện Biên Phủ – phường Minh Khai – quận Hồng Bàng – thành phố Hải Phòng.

- Số điện thoại : 0313.3842155 Fax: 0313.747228

- Địa chỉ Email :

Điều 3. Tư cách pháp nhân Công ty.

- Công ty TNHH một thành viên Thương mại đầu tư Phát triển đô thị là pháp nhân thuộc sở hữu Nhà nước, được thành lập theo hình thức chuyển từ công ty nhà nước sang hoạt động theo mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

- Công ty có quyền sở hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng riêng, thương hiệu riêng của công ty theo quy định của pháp luật.

- Công ty được sử dụng con dấu theo quy định; độc lập về tài sản, được mở tài khoản bằng đồng Việt nam và ngoại tệ tại Kho bạc Nhà nước, các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước; Là đơn vị hạch toán độc lập, tự chủ về tài chính, thực hiện chế độ tài chính, chế độ báo cáo thống kê, kế toán, kiểm toán và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Thời hạn hoạt động.

Thời hạn hoạt động của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thời gian bắt đầu hoạt động tính từ ngày được cơ quan Đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Việc chấm dứt hoặc gia hạn thời hạn hoạt động của Công ty do chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng quyết định.

Chương II

MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG, NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ do chủ sở hữu định hướng nhằm đáp ứng nhiệm vụ chính trị được giao và tối đa hoá lợi nhuận, đảm bảo lợi ích của chủ sở hữu, Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động; Cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động trong Công ty; Làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước.

Điều 6. Ngành nghề kinh doanh của Công ty

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (bao gồm cả hoạt động cho thuê nhà ở, căn hộ, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi ...)	6810 (chính)
2	Xây dựng nhà các loại	4100
3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ: xây dựng công trình đường bộ	4210
4	Xây dựng công trình công ích	4220
5	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Công trình giao thông, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật	4290
6	Phá dỡ	4311
7	Chuẩn bị mặt bằng	4312
8	Lắp đặt hệ thống điện	4321
9	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
10	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
11	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
12	Bán buôn kim loại và quặng kim loại: Bán buôn sắt, thép	4662
14	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn xi măng; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; kính xây dựng; sơn, vécni	4663
15	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
16	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ đồ ngũ kim; gạch ốp lát,	4752

STT	Tên ngành	Mã ngành
	thiết bị vệ sinh; sơn, màu, véc ni; kính xây dựng; xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh	
17	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh: Bán lẻ dầu hoả, ga, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
18	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
19	Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh	4932
20	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ: vận tải hàng hóa bằng xe ô tô và xe container	4933
21	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ	5221
22	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ giao nhận, bến bãi để bốc dỡ hàng hóa	5229
23	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
24	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
25	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
26	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
27	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
28	Bán mô tô, xe máy: Đại lý mô tô, xe máy	4541
29	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
30	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy: Đại lý phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
31	Bán buôn thực phẩm	4632
32	Bán buôn đồ uống: rượu, bia, nước ngọt, nước tinh khiết, nước giải khát	4633
33	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo	4634
34	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình: Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm	4649
35	Hoạt động cấp tín dụng khác: Dịch vụ cầm đồ	6492
36	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
37	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Hoạt động đo đạc bản đồ; Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước	7110
38	Quảng cáo	7310
39	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320

STT	Tên ngành	Mã ngành
40	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
41	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
42	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
43	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
44	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm quầy bar)	5630
45	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
46	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
47	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
48	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
49	Sản xuất ca cao, sôcôla và mứt kẹo	1073
50	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
51	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại	4719
52	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh: rượu, bia, nước ngọt, nước tinh khiết, nước giải khát	4723
53	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
54	Giáo dục mầm non	8510
55	Hoạt động thể thao khác: Bơi lội, quần vợt, cầu lông, bóng đá, bóng bàn	9319

Điều 7. Nguyên tắc tổ chức, quản trị và điều hành Công ty

Công ty hoạt động trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, dân chủ chấp hành Pháp luật. Chi phối hoạt động của Công ty là Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Điều 8. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị khác

Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, Công đoàn, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ chí Minh hoạt động theo Hiến pháp và Pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của tổ chức đó đồng thời phải phù hợp với mục tiêu hoạt động của Công ty.

Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức nêu trên hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, Điều lệ của mình để phục vụ dịch vụ, sản xuất, kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Chương III

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CÔNG TY

Điều 9. Công ty có những nhiệm vụ sau

- Công ty hoạt động theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ Công ty, thực hiện nhiệm vụ tổ chức hoạt động kinh doanh thương mại, bất động sản, tư vấn đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật và kinh doanh một số ngành nghề khác theo đăng ký ngành nghề kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật.

- Quản lý đầu tư xây dựng cơ bản các dự án về phát triển hạ tầng đô thị đáp ứng nhu cầu nhà ở và đời sống nhân dân, góp phần thay đổi một cách tích cực bộ mặt đô thị, thực hiện nhiệm vụ tổng thể về kinh tế chính trị xã hội thành phố giao.

- Kinh doanh một số mặt hàng tiêu dùng thiết yếu, phục vụ nhu cầu sinh hoạt gia đình.

Điều 10. Công ty có những quyền hạn sau

Công ty có các quyền quy định tại điều 8, điều 10 và các quy định khác có liên quan của Luật Doanh nghiệp 2005 như sau:

- Quản lý sử dụng nguồn vốn, đất đai, tài sản được Chủ sở hữu Công ty giao và các nguồn vốn khác để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ kinh doanh của Công ty.

- Tự chủ kinh doanh: chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh, đầu tư; chủ động mở rộng quy mô và ngành, nghề kinh doanh; được Nhà nước khuyến khích, ưu đãi và tạo điều kiện thuận lợi tham gia sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

- Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn; chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng. Tự chủ quyết định các công việc kinh doanh và quan hệ nội bộ; chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của doanh nghiệp.

- Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo yêu cầu kinh doanh; chủ động ứng dụng khoa học công nghệ hiện đại để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh.

- Tổ chức bộ máy sản xuất kinh doanh gọn nhẹ, hợp lý, hiệu quả phù hợp với quy mô hoạt động Công ty; được quyền tuyển dụng, thuê mướn lao động, sa thải theo yêu cầu; xây dựng và áp dụng định mức lao động, đơn giá tiền lương, tiền thưởng theo quy định gắn kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với quyền lợi người lao động.

- Đề xuất, tham mưu, kiến nghị với Chủ sở hữu, các Sở ban ngành, cơ quan chủ quản, quản lý chức năng... chỉ đạo, đôn đốc, ra cơ chế chính sách trong việc đền bù giải phóng mặt bằng, tổ chức thi công tại các dự án do Công ty làm chủ đầu tư.

- Được nhượng bán hoặc thanh lý tài sản không dùng đến hoặc sử dụng không có hiệu quả. Được thế chấp tài sản, vay vốn kinh doanh.

- Từ chối mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định; khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; trực tiếp thông qua người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Các quyền sản xuất kinh doanh khác của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Công ty có những nghĩa vụ sau

Công ty có các nghĩa vụ được quy định tại điều 9, điều 10 và các quy định khác có liên quan của Luật Doanh nghiệp 2005 như sau:

- Hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề đã đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; bảo đảm điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật khi kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

- Tổ chức công tác kế toán, lập và nộp báo cáo tài chính trung thực, chính xác, đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về kế toán.

- Đăng ký mã số thuế, kê khai thuế, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện chế độ thống kê theo quy định, định kỳ báo cáo đầy đủ các thông tin về doanh nghiệp, tình hình tài chính của doanh nghiệp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Chịu trách nhiệm trước Nhà nước và Chủ sở hữu về kết quả kinh doanh, trước khách hàng và pháp luật về chất lượng hàng hoá, dịch vụ theo tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với mục tiêu của Chủ sở hữu, với định hướng phát triển của ngành, của thành phố và phương hướng của Công ty.

- Ký kết và tổ chức thực hiện các hợp đồng kinh tế theo đúng pháp luật; chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định, tuân thủ các quy định về thanh tra, kiểm tra và kiểm toán của các cơ quan có thẩm quyền.

- Bảo đảm quyền, lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động; thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác... Thực hiện các nghĩa vụ đối với người lao động, đảm bảo cho người lao động tham gia quản lý Công ty bằng quy chế dân chủ nhằm phát huy quyền làm chủ của người lao động.

- Tuân thủ quy định của pháp luật về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên môi trường, và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CÁCH THỨC ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 12. Vốn điều lệ.

1. Vốn điều lệ: 270.536.000.000 đồng (Hai trăm bảy mươi tỷ, năm trăm ba mươi sáu triệu đồng chẵn)

2. Điều chỉnh vốn điều lệ:

a) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên không được giảm vốn điều lệ.

b) Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tăng vốn điều lệ bằng việc chủ sở hữu công ty đầu tư thêm hoặc huy động thêm vốn góp của người khác.

Chủ sở hữu quyết định hình thức tăng và mức tăng vốn điều lệ. Trường hợp tăng vốn điều lệ bằng việc huy động thêm phần vốn góp của người khác, công ty phải đăng ký chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thành viên mới cam kết góp vốn vào công ty.

Chương V

QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY- ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Điều 13. Chủ sở hữu Công ty

- Chủ sở hữu Công ty: Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Địa chỉ: Số 18 phố Hoàng Diệu, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Điều 14. Quyền của Chủ sở hữu Công ty

Quyền của chủ sở hữu Công ty được quy định tại Điều 64 Luật Doanh nghiệp 2005 cụ thể như sau:

- a) Quyết định nội dung Điều lệ Công ty, sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- b) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- c) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty, bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức năng quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên Công ty;
- d) Quyết định các dự án đầu tư có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
- e) Thông qua hợp đồng vay, cho vay và các hợp đồng khác bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- g) Quyết định bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- h) Quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
- i) Quyết định thành lập Công ty con, góp vốn vào Công ty khác;
- k) Tổ chức giám sát và đánh giá hoạt động của Công ty;
- l) Quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty.
- m) Quyết định tổ chức lại, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty;
- n) Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của Công ty sau khi Công ty hoàn toàn giải thể hoặc phá sản;
- o) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

Điều 15. Nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty

Nghĩa vụ của Chủ sở hữu Công ty được quy định tại điều 65 Luật Doanh nghiệp 2005 cụ thể như sau:

1. Góp vốn đủ và đúng hạn đã ghi trong Điều lệ; trường hợp không đủ và đúng hạn số vốn đã ghi trong Điều lệ thì phải chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

2. Tuân thủ Điều lệ Công ty.

3. Phải xác định và tách bạch tài sản của Chủ sở hữu Công ty và tài sản Công ty.

4. Tuân thủ quy định của pháp luật về hợp đồng và pháp luật có liên quan trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và các giao dịch khác giữa Công ty và chủ sở hữu Công ty.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 16. Hạn chế quyền của Chủ sở hữu Công ty

Hạn chế quyền của Chủ sở hữu Công ty được quy định tại điều 66 Luật Doanh nghiệp 2005 cụ thể như sau:

1. Chủ sở hữu Công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác; trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

Trường hợp chuyển nhượng một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác, Công ty phải đăng ký chuyển đổi thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày chuyển nhượng.

2. Chủ sở hữu Công ty không được rút lợi nhuận khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

Điều 17. Quản lý, giám sát của chủ sở hữu là Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

Chủ sở hữu ủy quyền, phân cấp các cơ quan chuyên môn (tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân thành phố) thực hiện nội dung quản lý, giám sát của Chủ sở hữu đối với Công ty:

1. Về mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng hoạt động:

a) Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh chủ yếu, chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư, tài chính của công ty;

b) Danh mục đầu tư, việc đầu tư vào các ngành nghề kinh doanh chính, ngành nghề không liên quan tới ngành nghề kinh doanh chính; những ngành nghề, lĩnh vực, địa bàn, dự án có nguy cơ rủi ro cao;

c) Nhiệm vụ cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích;

d) Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân thành phố giao.

2. Về vốn và tài chính:

- a) Việc bảo toàn và phát triển vốn của công ty;
- b) Tình hình đầu tư, nợ và khả năng thanh toán nợ của công ty;
- c) Kết quả hoạt động tài chính, hiệu quả kinh doanh, tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước;
- d) Tổng quỹ tiền lương thực hiện của công ty; tốc độ tăng tiền lương bình quân so với tốc độ tăng năng suất lao động của công ty;
- đ) Tăng hoặc chuyển nhượng một phần vốn điều lệ công ty.

3. Về tổ chức và cán bộ:

- a) Việc tổ chức lại, giải thể, phá sản công ty; chuyển đổi hình thức sở hữu của công ty; sửa đổi điều lệ công ty; thành lập công ty con và thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của công ty;
- b) Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, chế độ lương, thưởng, thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên; việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chế độ lương, thưởng, thực hiện nhiệm vụ và kết quả hoạt động của Tổng giám đốc công ty.

4. Việc chấp hành các quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố và Điều lệ công ty.

5. Những nội dung khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 18. Chế độ thông tin, báo cáo của Chủ tịch công ty và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân thành phố trong giải quyết kiến nghị của Chủ tịch công ty

1. Chế độ thông tin, báo cáo của Chủ tịch công ty với Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày kết thúc quý, năm, Chủ tịch công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh theo quy định tại khoản 14 Điều 20 Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/03/2010 của Chính phủ và dự kiến phương hướng thực hiện trong kỳ tới của công ty;

b) Trong thời hạn 5 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định, Chủ tịch công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản về quyết định của Chủ tịch công ty về cơ cấu tổ

chức, quy chế quản lý nội bộ công ty; về thang, bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ trả lương đối với người lao động và cán bộ quản lý, khen thưởng, kỷ luật đối với Tổng giám đốc; các vấn đề phải được chủ sở hữu công ty chấp thuận quy định tại Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/03/2010 của Chính phủ.

2. Trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch công ty thì Chủ sở hữu phải quyết định bằng văn bản phê duyệt hoặc trả lời công ty đối với các vấn đề sau đây:

a) Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của công ty; việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh chính của công ty;

b) Phê duyệt các dự án đầu tư; hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác trên mức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 27 Nghị định số 25/2010/NĐ-CP. Cụ thể như sau: Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty; các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty.

c) Các quyết định quy định tại điểm c khoản 2 Điều 27 Nghị định số 25/2010/NĐ-CP như: Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu của các công ty con để công ty mẹ nắm 100% vốn điều lệ; các đơn vị trực thuộc công ty mẹ; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của công ty mẹ ở trong nước và ở nước ngoài theo quy định của pháp luật); góp vốn đầu tư vào công ty khác; thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của công ty;

d) Quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

đ) Phê duyệt báo cáo quyết toán; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh;

e) Quyết định việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty;

g) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng giám đốc;

CHƯƠNG VI

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA CÔNG TY

Điều 19. Công ty được tổ chức quản lý theo mô hình: Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và kiểm soát viên. Chủ tịch công ty có thể kiêm Tổng giám đốc.

Điều 20. Chủ tịch công ty.

1. Chủ tịch công ty do chủ sở hữu công ty bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế. Chủ tịch công ty kiêm Tổng Giám đốc công ty.

Chủ tịch công ty nhân danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu công ty; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty; chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

Chủ tịch Công ty là người đại diện theo pháp luật của công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty phải thường trú tại Việt Nam; nếu vắng mặt quá ba mươi ngày ở Việt Nam thì phải uỷ quyền bằng văn bản cho người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty.

2. Chủ tịch công ty có quyền và nhiệm vụ sau:

a) Tổ chức xây dựng và quyết định chiến lược phát triển; kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của công ty;

b) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của công ty; các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty tại thời điểm gần nhất;

c) Quyết định đầu tư thành lập mới, tổ chức lại, giải thể, chuyển đổi sở hữu công ty con là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; các đơn vị trực thuộc công ty mẹ; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của công ty mẹ ở trong nước và ở nước ngoài theo quy định của pháp luật.

d) Quyết định các phương án huy động vốn có giá trị không vượt quá giá trị vốn điều lệ hoặc không vượt quá mức giá trị tối đa quy định tại Điều lệ công ty; trường hợp mức huy động vốn cao hơn giá trị vốn điều lệ thì phải báo cáo chủ sở hữu, khi được chấp thuận mới được thực hiện.

đ) Quyết định cơ cấu tổ chức, phương án tổ chức kinh doanh, quy chế quản lý nội bộ công ty, biên chế bộ máy quản lý;

e) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc công ty. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng và quyết định mức lương và lợi ích khác đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng của công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc;

g) Kiểm tra, giám sát Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình;

h) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của Chính phủ;

i) Đề nghị chủ sở hữu công ty chấp thuận các vấn đề quan trọng của công ty quy định tại Điều lệ công ty;

k) Tổ chức thực hiện các quyết định của chủ sở hữu công ty;

l) Báo cáo chủ sở hữu công ty kết quả và tình hình hoạt động kinh doanh của công ty;

m) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Quyết định của Chủ tịch công ty về các vấn đề sau đây phải được chủ sở hữu công ty chấp thuận:

a) Quyết định chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, trung hạn và hàng năm của công ty; việc điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh chính của công ty;

b) Phê duyệt các dự án đầu tư; hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác trên mức quy định tại điểm b khoản 2 Điều này;

c) Các quyết định quy định tại điểm c khoản 2 Điều này; góp vốn đầu tư vào công ty khác; thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của công ty;

d) Quyết định việc điều chỉnh vốn điều lệ công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;

đ) Phê duyệt báo cáo quyết toán; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; phương án xử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh;

e) Quyết định việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ công ty;

g) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng với Tổng Giám đốc;

h) Các vấn đề khác quy định tại Điều lệ công ty.

4.1 Chủ tịch công ty phải đáp ứng tiêu chuẩn quy định như sau:

a) Thường trú tại Việt Nam. Chủ tịch Công ty phải là công dân Việt Nam;

b) Tốt nghiệp đại học và có năng lực kinh doanh và quản lý doanh nghiệp. Chủ tịch Công ty phải có kinh nghiệm ít nhất ba năm quản lý, điều hành doanh nghiệp thuộc ngành nghề kinh doanh chính của công ty;

c) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật;

d) Không là cán bộ lãnh đạo trong bộ máy nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội hoặc các chức vụ quản lý, điều hành tại doanh nghiệp thành viên;

đ) Không thuộc đối tượng bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý điều hành doanh nghiệp theo quy định tại các điểm b, c, d, e, g khoản 2 Điều 13 Luật Doanh nghiệp;

4.2 Trường hợp Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc phải đảm bảo các điều kiện:

a) Được doanh nghiệp đề nghị kiêm nhiệm và có đơn đề nghị của người dự kiến kiêm nhiệm;

b) Người được đề nghị kiêm nhiệm phải có sức khỏe và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện đối với cả hai chức danh này;

c) Phải quy định cụ thể và tách bạch trong thực thi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Công ty và Tổng Giám đốc;

d) Người được đề nghị kiêm nhiệm phải chịu trách nhiệm đối với chức năng, nhiệm vụ và vai trò là Chủ tịch Công ty và Tổng Giám đốc;

5. Chủ tịch Công ty do chủ sở hữu công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật. Chủ tịch Công ty có thể được bổ nhiệm lại hoặc thay thế.

6. Chủ tịch Công ty bị miễn nhiệm và được thay thế trong những trường hợp sau:

a) Báo cáo không trung thực tình hình tài chính công ty từ hai lần trở lên hoặc một lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của công ty.

b) Để công ty thua lỗ hai năm liên tiếp hoặc không đạt chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư hai năm liên tiếp hoặc ở trong tình trạng giữa hai năm lỗ có một năm lãi hoặc hoà vốn, trừ các trường hợp: lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt; lỗ hoặc giảm tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước đầu tư có lý do khách quan được giải trình và đã được cơ quan có thẩm quyền chấp nhận; những năm mới hoạt động sau khi đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới công nghệ mà trong báo cáo khả thi xác định bị lỗ.

c) Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc các trường hợp bị miễn nhiệm, thay thế do Điều lệ công ty quy định; trong trường hợp này Kiểm soát viên có quyền đề nghị chủ sở hữu bổ sung, thay thế Chủ tịch Công ty;

d) Không đủ năng lực, trình độ đảm nhận công việc được giao; bị mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

đ) Xin từ chức;

e) Khi có quyết định điều chuyển hoặc bố trí công việc khác;

g) Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng địa vị, quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác;

h) Trong thời hạn 03 năm khi công ty liên tục không hoàn thành các nhiệm vụ hoặc chỉ tiêu do chủ sở hữu giao mà không giải trình được nguyên nhân khách quan và được chủ sở hữu chấp nhận;

i) Các trường hợp khác theo quyết định của chủ sở hữu công ty phù hợp với quy định tại Điều lệ công ty.

7. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Luật Doanh nghiệp. Cụ thể là các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và chủ sở hữu công ty;

c) Trung thành với lợi ích của công ty và chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho công ty về các doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của công ty;

8. Chế độ làm việc của Chủ tịch công ty thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật Doanh nghiệp.

Điều 21. Tổng Giám đốc công ty

1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các nghị quyết, quyết định của Chủ sở hữu phù hợp với Điều lệ công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch công ty và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 70 Luật Doanh nghiệp như sau:

- a) Tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu và Chủ tịch công ty;
- b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và Phương án đầu tư của công ty;
- d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ công ty;
- đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Chủ sở hữu và Chủ tịch công ty;
- e) Ký kết hợp đồng nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch công ty;
- g) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức công ty;
- h) Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Chủ sở hữu và Chủ tịch công ty;
- i) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- k) Tuyển dụng lao động theo quy định của Bộ Luật lao động.
- m) Đối với các đơn vị thành viên, Tổng Giám đốc có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:
 - m.1) Xây dựng phương án phối hợp kinh doanh giữa các đơn vị thành viên trình Chủ tịch công ty; tổ chức thực hiện kế hoạch phối hợp kinh doanh chung, kế hoạch đầu tư giữa các đơn vị thành viên;
 - m.2) Kiểm tra các đơn vị thành viên thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, đơn giá quy định trong nội bộ công ty;
 - m.3) Đề nghị Chủ sở hữu quyết định cử người đại diện phần vốn góp của công ty ở doanh nghiệp khác.

3. Tổng Giám đốc thực hiện các nghĩa vụ quy định tại Điều 72 Luật Doanh nghiệp và Điều 34 Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 05/02/2009 của Chính phủ:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Chủ sở hữu và Chủ tịch công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;

b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân;

d) Không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty và hợp đồng ký với Chủ tịch công ty;

e) Thực hiện trung thực, có trách nhiệm các quyền hạn, nghĩa vụ được giao vì lợi ích của Nhà nước và của công ty;

f) Không được lợi dụng chức vụ, quyền hạn để sử dụng vốn, tài sản của công ty nhằm thu lợi riêng cho bản thân gia đình và người khác. Không đem cho, tặng tài sản của công ty cho bất kỳ đối tượng nào.

g) Chịu trách nhiệm và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản vốn huy động và các nguồn vốn khác của công ty; chịu trách nhiệm vật chất đối với những thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho công ty.

4. Tổng Giám đốc phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điểm 3, Điều 70 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của Nhà nước đối với doanh nghiệp 100% vốn thuộc sở hữu nhà nước.

5. Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm và được thay thế theo quy định tại Nghị định số 09/2009/NĐ-CP ngày 5/2/2009 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý tài chính của công ty nhà nước và quản lý vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác và quy định tại điểm 6 Điều 20 của Điều lệ này đối với chức danh Chủ tịch công ty.

Điều 22. Kiểm soát viên.

1. Kiểm soát viên: Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm 1 (một) Kiểm soát viên chuyên trách là người công ty, nhiệm kỳ 03 năm. Kiểm soát viên được hưởng phụ cấp chức vụ như Trưởng phòng nghiệp vụ của Công ty và theo quy định hiện hành.

Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

Kiểm soát viên không đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoặc là người có liên quan đến người quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định: Chủ tịch Công ty, người bổ nhiệm Kiểm soát viên.

2. Kiểm soát viên có nhiệm vụ sau đây:

a) Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch công ty hoặc Tổng Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền chủ sở hữu, trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty;

b) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan; trình chủ sở hữu công ty báo cáo thẩm định;

c) Kiến nghị chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty;

3. Quyền của kiểm soát viên:

- Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của công ty. Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền chủ sở hữu, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

- Kiểm soát viên có quyền sử dụng con dấu của công ty để thực hiện nhiệm vụ do pháp luật và Điều lệ công ty quy định đối với Kiểm soát viên.

4. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên:

a) Có đủ năng lực thực thi hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý Công ty theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

b) Không phải là người có liên quan của Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, Chủ sở hữu là người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên.

c) Có trình độ Đại học hoặc kinh nghiệm về nghề nghiệp kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.

Chương VII

THỂ THỨC THÔNG QUA QUYẾT ĐỊNH CỦA CÔNG TY, NGUYÊN TẮC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 23. Công ty có quyền khiếu nại, khiếu kiện theo quy định của Luật Khiếu nại tố cáo để bảo vệ quyền lợi công ty trước pháp luật.

Điều 24. Mọi khiếu nại liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ sở hữu do Chủ sở hữu giải quyết. Nếu Chủ sở hữu giải quyết không thoả đáng thì người tố tụng mới có quyền yêu cầu Toà án can thiệp.

Điều 25. Công ty có quyền bình đẳng với mọi pháp nhân hoặc thể nhân khác khi có tranh chấp hay tố tụng trước pháp luật. Mọi tranh chấp, khiếu kiện về các hợp đồng kinh tế giữa Công ty với các đơn vị sản xuất, kinh doanh khác được giải quyết bằng thương thảo, đàm phán trực tiếp giữa hai bên hoặc tại Toà án kinh tế theo nội dung trong Hợp đồng ký kết.

Chương VIII

CHẾ ĐỘ THÙ LAO, TIỀN LƯƠNG, THUỞ ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT VIÊN

Điều 26. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc, Kiểm soát viên.

1. Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kiểm soát viên chuyên trách và Kế toán trưởng hưởng chế độ lương theo năm và hưởng chế độ thưởng theo nhiệm kỳ; mức tiền lương và tiền thưởng tương ứng với kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty và kết quả hoạt động quản lý, điều hành hoặc kiểm soát.

2. Quý I hàng năm công ty xây dựng đơn giá tiền lương và báo cáo Chủ sở hữu cho ý kiến trước khi Chủ tịch Công ty quyết định. Xây dựng, trình Chủ sở hữu thẩm định quỹ tiền lương của Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc và Kiểm soát viên.

3. Chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng như sau:

a) Hàng tháng các thành viên chuyên trách bao gồm: Chủ tịch Công ty, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kiểm soát viên chuyên trách và Kế toán trưởng được tạm ứng 70% của số tiền lương tạm tính cho tháng đó; số 30% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả vào cuối năm.

Đối với tiền thưởng các thành viên chuyên trách nêu trên chỉ được tạm ứng 70% tổng số tiền thưởng của năm; số 30% còn lại được quyết toán và chi trả sau khi kết thúc nhiệm kỳ;

b) Số 30% tiền lương và tiền thưởng còn lại được chi trả cho các đối tượng tương ứng nêu ở mục a khoản 3 Điều này, căn cứ vào quy chế quản lý tài chính và quy chế giám sát đánh giá đối với Công ty TNHH một thành viên do Bộ Tài chính ban hành. Trường hợp kết quả xếp loại doanh nghiệp và kết quả đánh giá về quản lý, điều hành hoặc kiểm soát không đáp ứng yêu cầu sẽ không được quyết toán 30% số tiền lương năm và không được hưởng 30% số tiền thưởng còn lại của nhiệm kỳ.

4. Chủ tịch Công ty kiêm Tổng Giám đốc, chỉ được nhận lương của một chức danh, nhưng được nhận phụ cấp trách nhiệm theo quy định tại điều 3, Nghị định số 86/2007/NĐ-CP của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với doanh nghiệp 100% vốn thuộc sở hữu nhà nước.

Chương IX

TẬP THỂ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 27. Hình thức tham gia quản lý Công ty của người lao động

Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu người lao động của Công ty là hình thức để người lao động trực tiếp tham gia quản lý Công ty. Người lao động trong Công ty thông qua Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu người lao động của Công ty hoặc Tổ chức công đoàn Công ty thực hiện các quyền sau:

1. Tham gia thảo luận xây dựng Thỏa ước lao động tập thể làm cơ sở để người đại diện tập thể lao động thương lượng và ký kết với Tổng giám đốc.
2. Thảo luận, thông qua Quy chế sử dụng các quỹ có liên quan trực tiếp đến lợi ích của người lao động.
3. Thảo luận, góp ý kiến về quy hoạch, kế hoạch, đánh giá hiệu quả quản lý kinh doanh, đề xuất các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động của Công ty.
4. Bổ phiếu tín nhiệm hoặc giới thiệu để lấy tín nhiệm với các chức danh Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

5. Đại hội người lao động được tổ chức và hoạt động theo hướng dẫn của Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam và Liên đoàn lao động Thành phố Hải Phòng.

Chương X

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN VÀ XỬ LÝ LỖ TRONG KINH DOANH, DỊCH VỤ

Điều 28. Chế độ tài chính - kế toán của Công ty

1. Công ty TNHH một thành viên Thương mại đầu tư phát triển đô thị thực hiện chế độ kế toán, báo cáo kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo Quy định quản lý tài chính đối với doanh nghiệp 100% vốn sở hữu thuộc Nhà nước do Pháp luật quy định và các văn bản về tài chính có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Hoạt động kinh doanh của Công ty thực hiện theo cơ chế thị trường, bảo đảm kinh doanh có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của chủ sở hữu tại doanh nghiệp.

Trường hợp Công ty có hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo chỉ định của Ủy ban nhân dân thành phố sẽ được ngân sách nhà nước hỗ trợ chi phí theo quy định của Bộ, ngành và Ủy ban nhân dân thành phố. Các quy định về hỗ trợ chi phí trên phải bảo đảm chi phí tối thiểu về tiền lương của người lao động, nguyên, nhiên vật liệu, chi phí quản lý điều hành doanh nghiệp và một phần lợi nhuận.

2. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

3. Công ty phải chấp hành pháp luật về kế toán, kiểm toán, thống kê và các văn bản pháp quy hiện hành khác về tài chính của Nhà nước.

4. Chủ tịch Công ty xem xét thông qua quyết toán tài chính năm để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và các cơ quan có liên quan theo chế độ Nhà nước quy định.

Điều 29. Phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ

1. Lợi nhuận, phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ của công ty thực hiện theo những Quy định quản lý tài chính đối với công ty TNHH 100% vốn sở hữu thuộc Nhà nước do Pháp luật quy định và các văn bản về tài chính có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

2. Trường hợp Công ty có hoạt động kinh doanh, dịch vụ theo chỉ định của Ủy ban nhân dân thành phố, việc phân phối lợi nhuận và trích lập quỹ sẽ được Ủy

ban nhân dân thành phố xem xét trên cơ sở các quy định về hỗ trợ chi phí được ngân sách nhà nước cấp nhưng phải phù hợp với quy định quản lý tài chính hiện hành.

Điều 30. Trong trường hợp công ty kinh doanh thua lỗ

1. Chủ tịch công ty báo cáo Chủ sở hữu xem xét, cho ý kiến để thực hiện theo các hình thức sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính để bù lỗ.
- Chuyển một phần lỗ sang năm sau.
- Đề xuất các biện pháp để khắc phục có hiệu quả tình trạng thua lỗ trong khuôn khổ quy định của điều lệ công ty và quy định của luật pháp hiện hành.

2. Trường hợp Công ty kinh doanh, dịch vụ thua lỗ từ 2 đến 3 năm liên tục thì Chủ tịch Công ty phải xây dựng Đề án khắc phục báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, đồng thời tiến hành xử lý Tổng Giám đốc theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật.

Chương XI

TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN

Điều 31. Tổ chức lại, chuyển đổi hình thức sở hữu và giải thể Công ty TNHH một thành viên Thương mại đầu tư phát triển đô thị

Việc tổ chức lại, chuyển đổi hình thức sở hữu và giải thể Công ty TNHH một thành viên Thương mại đầu tư phát triển đô thị do Chủ sở hữu Công ty quyết định khi được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Trình tự, thủ tục thực hiện giải thể và thanh lý doanh nghiệp khi giải thể thực hiện theo quy định tại điều 158 của Luật Doanh nghiệp.

Điều 32. Phá sản

Trong trường hợp công ty lâm vào tình trạng khó khăn hoặc bị thua lỗ, sau khi đã áp dụng đủ các biện pháp tài chính cần thiết, nhưng vẫn mất khả năng thanh toán nợ thì xử lý theo quy định của Luật Phá sản doanh nghiệp.



Chương XII

CON DẤU VÀ QUẢN LÝ SỬ DỤNG CON DẤU

Điều 33. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp Việt Nam. Trước khi sử dụng phải đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền, Công chứng Nhà nước và Ngân hàng nơi Công ty đăng ký mở tài khoản.

Điều 34. Tổng Giám đốc điều hành công ty phải chịu trách nhiệm giữ gìn an toàn con dấu của công ty.

Chương XIII

THỂ THỨC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CÔNG TY

Điều 35. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Trong quá trình tổ chức hoạt động, Công ty được sửa đổi, bổ sung Điều lệ. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng xem xét phê duyệt.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Chương XIV

HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 36. Hiệu lực của Điều lệ

Điều lệ này gồm 14 chương, 36 điều, có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ sở hữu Công ty phê duyệt và thay thế Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH TNHH một thành viên Thương mại đầu tư phát triển đô thị ban hành kèm theo Quyết định số 1056/QĐ-UBND ngày 30/6/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng./.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH

CHỦ SỞ HỮU
TM. UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Tuấn

TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Thu

Đạm Đức Hiệp